

BỘ XÂY DỰNG
Số: 536/BXD-GD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 1994

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy chế lập, thẩm định và xét duyệt thiết kế công trình xây dựng

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

- Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 4/3/1994 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;
- Căn cứ nghị định số 177/CP ngày 20/10/1994 của Chính phủ ban hành Điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1

- Ban hành kèm theo Quyết định ban hành Quy chế lập, thẩm định và xét duyệt thiết kế công trình xây dựng để thực hiện các điều 25 và 26 của Điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng.

Điều 2

- Quy chế này có hiệu lực thi hành thống nhất trong cả nước kể từ ngày ban hành, các quy định trước đây về lập, thẩm tra, xét duyệt thiết kế hoạch các quy định khác trái với bản Quy chế này đều bãi bỏ.

Điều 3

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, ủy ban nhân dân các Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

(Đã ký)

Ngô Xuân Lộc

QUY CHẾ

Lập, thẩm định, xét duyệt thiết kế công trình xây dựng

(Ban hành kèm theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng số 536/BXD-GĐ ngày 14 tháng 12 năm 1994)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Quy chế này quy định nội dung các bước thiết kế trình tự, trách nhiệm và quyền hạn của chủ đầu tư, tổ chức tư vấn xây dựng và các tổ chức có liên quan khác trong công tác lập, thẩm định, xét duyệt thiết kế công trình xây dựng thuộc mọi thành phần kinh tế, nhằm thực hiện quản lý thống nhất công tác thiết kế trong cả nước. Tất cả các công trình xây dựng đều phải được tổ chức lập, thẩm định và xét duyệt theo đúng quy định của Quy chế này.

Nội dung lập, thẩm định và xét duyệt thiết kế các công trình có vốn đầu tư của nước ngoài tại Việt Nam được quy định tại một văn bản riêng.

Điều 2

Trình tự thiết kế: Tùy theo quy mô và tính chất kỹ thuật phức tạp của công trình mà thực hiện thiết kế một bước hoặc hai bước theo văn bản phê duyệt dự án đầu tư.

Các công trình có kỹ thuật đơn giản hoặc đã có thiết kế mẫu được thiết kế một bước: thiết kế kỹ thuật thi công.

Điều 3

Căn cứ để thiết kế công trình:

- Dự án đầu tư được duyệt;
- Các tài liệu khảo sát kỹ thuật xây dựng, điều tra cơ bản, điều tra kinh tế xã hội cho tổ chức chuyên môn có tư cách pháp nhân lập;
- Quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng, các định mức đơn giản, thiết kế mẫu được nhà nước ban hành.

Trường hợp áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng của nước ngoài thì phải được Bộ xây dựng chấp thuận.

Điều 4

Thiết kế công trình phải do tổ chức có tư cách pháp nhân thiết kế, có giấy phép hành nghề về tư vấn thiết kế lập. Thẩm định thiết kế phải do cơ quan chuyên môn có tư cách pháp nhân về tư vấn xây dựng không tham gia lập tài liệu thiết kế đó thực hiện.

Điều 5

Các tổ chức lập thiết kế, các tổ chức tư vấn thẩm định thiết kế phải chịu trách nhiệm về chất lượng thiết kế, kết quả thẩm định trước pháp luật phần việc mình thực hiện. Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thiết kế chỉ phê duyệt sau khi thiết kế đã được thẩm định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 6

Đối với các công trình xây dựng chuyên ngành giao thông, thủy lợi, hầm mỏ, đường dây tải điện và trạm biến thế, dầu khí, bưu điện, nông lâm ngư nghiệp, các Bộ quản lý xây dựng chuyên ngành căn cứ các quy định thông tư này và Điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng để có hướng dẫn cụ thể về nội dung lập thiết kế công trình thuộc ngành cho phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng chuyên ngành và có sự thống nhất với Bộ Xây dựng trước khi ban hành.

CHƯƠNG II

LẬP TÀI LIỆU THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 7

Nội dung thiết kế kỹ thuật.

1. Phần thuyết minh:

1.1 Thuyết minh tổng quát.

- Căn cứ và cơ sở lập thiết kế kỹ thuật;
- Nội dung cơ bản của dự án đầu tư được duyệt;
- Danh mục quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng, thiết kế mẫu được sử dụng;
- Tóm tắt nội dung đồ án thiết kế được chọn và các phương án thiết kế so sánh.

- Các thông số và chỉ tiêu cần đạt được của công trình theo phương án được chọn.

1.2 Điều kiện tự nhiên, tác động của môi trường, điều kiện kỹ thuật chi phối thiết kế.

- Tài liệu địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, thủy văn, khí tượng và động đất ở khu vực xây dựng;

Điều tra tác động của môi trường;

Điều kiện kỹ thuật chi phối thiết kế.

1.3 Phần kinh tế - kỹ thuật:

- Năng lực, công suất thiết kế và các thông số của công trình;

- Phương án, danh mục, chất lượng sản phẩm, tiêu thụ sản phẩm;

- Những chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật và hiệu quả đầu tư của phương án.

1.4 Phần công nghệ:

- Phương pháp sản xuất và bố trí dây chuyền công nghệ sản xuất, sử dụng;

- Tính toán và lựa chọn thiết bị (chủng loại, nhãn hiệu, đặc tính kỹ thuật);

- Biện pháp an toàn lao động, an toàn sản xuất, phòng nổ, chống cháy, chống độc hại, vệ sinh công nghiệp, bảo vệ môi trường sinh thái.

1.5 Phần xây dựng:

- Bố trí tổng mặt bằng, diện tích chiếm đất, diện tích xây dựng của công trình (kể cả hạng mục công trình phục vụ thi công);

- Giải pháp về kiến trúc;

- Giải pháp kỹ thuật xây dựng: kết cấu chịu lực chính, nền móng cơ bản tính kèm theo nêu rõ cơ sở phương pháp và kết cấu tính toán;

- Lắp đặt thiết bị và trang trí nội thất;

- Các hệ thống công trình kỹ thuật hạ tầng: cấp điện, cấp nhiệt, cấp hơi, cấp dầu, cấp nước, thoát nước, thông gió, thông tin tín hiệu, báo cháy và chữa cháy, điều khiển tự động có bản tính kèm theo nêu rõ phương pháp và kết quả tính toán:

- Tổ chức giao thông và thiết bị vận tải;

- Trang trí bên ngoài (trồng cây xanh, sân vườn.....)

- Tổng hợp khối lượng xây lắp, vật tư chính và thiết bị công nghệ của từng hạng mục công trình và của toàn bộ công trình, so sánh các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của các

phương án thiết kế;

1.6. Phần thiết kế tổ chức xây dựng:

Các chỉ dẫn chính về biện pháp thi công và an toàn trong quá trình xây dựng.

2. Phần bản vẽ:

2.1. Các bản vẽ hiện trạng của mặt bằng (tuyến) và vị trí trên bản đồ của công trình được thiết kế.

2.2. Các bản vẽ tổng mặt bằng bố trí chi tiết các hạng mục công trình;

2.3. Các bản vẽ chuẩn bị kỹ thuật khu đất xây dựng (san nền, thoát nước mưa) và các công trình kỹ thuật hạ tầng ngoài nhà: Đường, cấp điện, cấp nước, thải nước, xử lý nước thải, bảo vệ môi trường.

2.4. Bản vẽ dây chuyền công nghệ và vị trí các thiết bị chính;

2.5. Các bản vẽ kiến trúc mặt bằng các tầng, các mặt cắt ngang và mặt cắt dọc chính, các mặt đứng của các hạng mục công trình;

2.6. Bố trí trang thiết bị và các bộ phận công trình phụ cần thiết;

2.7. Bản vẽ chi tiết các bộ phận có cấu tạo phức tạp;

2.8. Sơ đồ mặt bằng các phương án bố trí và kích thước các kết cấu chịu lực chính: Nền, móng, cột, dầm, sàn, mái. ...

2.9. Trang trí nội thất;

2.10. Phối cảnh toàn bộ công trình;

2.11. Các hệ thống công trình kỹ thuật bên trong công trình: cấp điện, cấp nước, thải nước, thông gió, điều hòa nhiệt, thông tin, báo cháy và chữa cháy tức thời;

2.12. Lối thoát nạn và giải pháp chống cháy nổ công trình;

2.13. Hoàn thiện xây dựng bên ngoài: hàng rào, cây xanh, sân vườn;

2.14. Tổng mặt bằng tổ chức xây dựng và mặt bằng thi công các hạng mục đặc biệt;

2.15. Mô hình toàn bộ công trình hoặc từng bộ phận công trình (theo hợp đồng riêng của chủ đầu tư).

3. Tổng dự toán:

Tổng dự toán được lập theo văn bản hướng dẫn lập giá và quản lý chi phí xây dựng công trình thuộc các dự án đầu tư do Bộ Xây dựng ban hành.